

1. Giới thiệu và tính cấp thiết của đề tài

1.1. Bối cảnh thực tiễn và vấn đề cần nghiên cứu

Trong thời đại công nghệ số, mạng xã hội đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống của học sinh trung học cơ sở. Theo thống kê năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông, hơn 90% học sinh THCS sử dụng mạng xã hội hằng ngày, trong đó các nền tảng phổ biến nhất là TikTok, YouTube, Facebook và Instagram. Đây là nguồn tiếp cận thông tin đa dạng, nhanh chóng và hấp dẫn, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến Lịch sử Việt Nam và thế giới.

Tuy nhiên, khảo sát ban đầu của nhóm nghiên cứu tại Trường THCS Tự Cường (tháng 9/2025) cho thấy:

- 87% học sinh từng xem video hoặc bài viết về lịch sử trên mạng xã hội.
- Trong đó, 46% thừa nhận từng gặp nội dung sai lệch, bóp méo hoặc cắt ghép thông tin lịch sử, và chỉ 34% học sinh có thói quen kiểm chứng thông tin bằng sách giáo khoa hoặc hỏi giáo viên.

Thực tế này đặt ra một vấn đề lớn: học sinh đang tiếp nhận thông tin lịch sử một cách thụ động, thiếu kỹ năng phản biện và chọn lọc, dẫn đến hiểu sai về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc giảm niềm tin vào kiến thức chính thống trong nhà trường.

1.2. Sự đòi hỏi thực tế và đóng góp của nghiên cứu

Từ thực trạng trên, giáo viên Lịch sử cần không chỉ truyền đạt tri thức, mà còn hướng dẫn học sinh biết cách học, cách kiểm chứng thông tin trên môi trường số. Nghiên cứu này giúp:

- Cung cấp dữ liệu khoa học về ảnh hưởng của mạng xã hội đến nhận thức lịch sử của học sinh THCS;
- Làm rõ mức độ và dạng ảnh hưởng (tích cực - tiêu cực), sự khác biệt giữa các khối lớp;
- Đề xuất mô hình giáo dục truyền thông số tích hợp trong môn Lịch sử, giúp học sinh phát triển năng lực phản biện, chọn lọc và truyền thông có trách nhiệm;
- Gợi mở hướng xây dựng “Kênh thông tin lịch sử học đường” do học sinh vận hành dưới sự hướng dẫn của giáo viên, nhằm lan tỏa tri thức lịch sử chính xác, hấp dẫn và gần gũi.

Đề tài không chỉ có giá trị với một trường cụ thể mà còn có thể nhân rộng ra nhiều trường THCS khác, góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực số và công dân toàn cầu cho học sinh.

1.3. Lý do chọn đề tài và tính cấp thiết

Trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục, mạng xã hội không thể bị “loại bỏ” mà cần được hướng dẫn sử dụng đúng cách, có trách nhiệm và hiệu quả. Việc học sinh tiếp cận lịch sử qua mạng là xu hướng tự nhiên nhưng nếu không có định hướng, nguy cơ sai lệch kiến thức, thờ ơ với lịch sử dân tộc, thậm chí bị ảnh hưởng bởi nội dung xuyên tạc là rất cao.



Đề tài “Ảnh hưởng của mạng xã hội đến nhận thức lịch sử của học sinh THCS” vì thế mang tính cấp thiết ở ba khía cạnh:

- **Giáo dục:** Góp phần đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử, tăng tính hấp dẫn và tương tác với học sinh thời đại số.

- **Xã hội:** Giúp học sinh có năng lực chọn lọc thông tin, chống lại tin giả, bảo vệ giá trị lịch sử và văn hóa dân tộc.

- **Khoa học - hành vi:** Cung cấp dữ liệu thực chứng về mối quan hệ giữa môi trường truyền thông số và quá trình hình thành nhận thức lịch sử.

Nghiên cứu này hướng đến mục tiêu không phê phán mạng xã hội, mà khai thác và định hướng nó như một công cụ học tập hiện đại, góp phần hình thành công dân số có trách nhiệm.

2. Mục tiêu và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội đến nhận thức lịch sử của học sinh trung học cơ sở, từ đó đề xuất các giải pháp giáo dục truyền thông số phù hợp với đặc thù lứa tuổi và môn học, giúp học sinh hình thành năng lực nhận thức đúng đắn, tư duy phản biện và tinh thần học tập tích cực đối với môn Lịch sử.

2.2. Mục tiêu cụ thể

* **Khảo sát thực trạng sử dụng mạng xã hội của học sinh THCS**, bao gồm: Tần suất sử dụng, nền tảng thường dùng (TikTok, YouTube, Facebook...),

- Loại nội dung lịch sử được tiếp cận và mức độ yêu thích.

* **Phân tích ảnh hưởng của mạng xã hội đến nhận thức lịch sử**, thể hiện qua:

- Khả năng hiểu đúng/sai các sự kiện, nhân vật lịch sử;

- Thái độ, cảm xúc và hứng thú học tập môn Lịch sử;

- Kỹ năng phản biện và kiểm chứng thông tin của học sinh.

* **So sánh sự khác biệt giữa các khối lớp (7, 8, 9)** về mức độ nhận thức và hành vi tiếp nhận thông tin lịch sử, từ đó xác định đặc điểm theo độ tuổi để điều chỉnh phương pháp dạy học.

* **Đề xuất biện pháp giáo dục cụ thể** nhằm tăng cường nhận thức lịch sử đúng đắn thông qua:

- Tích hợp giáo dục truyền thông số trong tiết dạy Lịch sử;

- Xây dựng kênh thông tin lịch sử học đường do học sinh vận hành dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

2.3. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên kết quả quan sát ban đầu và các tài liệu tham khảo, nhóm nghiên cứu đặt ra các giả thuyết khoa học như sau:

- Giả thuyết 1: Học sinh có tần suất sử dụng mạng xã hội cao (trên 1 giờ/ngày) có khả năng nhận thức sai lệch về một số sự kiện hoặc nhân vật lịch sử cao hơn nhóm sử dụng ít hơn.

- Giả thuyết 2: Học sinh có thói quen kiểm chứng thông tin (tra cứu SGK, hỏi giáo viên, tra nguồn đáng tin cậy) sẽ có tỷ lệ hiểu đúng kiến thức lịch sử cao hơn nhóm không kiểm chứng.

- Giả thuyết 3: Việc tích hợp giáo dục truyền thông số trong giờ học Lịch sử giúp nâng cao năng lực phân tích, chọn lọc và xác thực thông tin lịch sử của học sinh.

- Giả thuyết 4: Nếu được tham gia vận hành kênh thông tin lịch sử học đường, học sinh sẽ tăng hứng thú học tập và tự giác tìm hiểu lịch sử, từ đó cải thiện nhận thức và thái độ học tập lâu dài.

2.4. Định hướng ứng dụng của kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu không chỉ nhằm chứng minh các giả thuyết trên, mà còn hướng đến ứng dụng thực tiễn trong dạy học và truyền thông học đường:

- Cung cấp dữ liệu thực chứng về hành vi và nhận thức của học sinh đối với nội dung lịch sử trên mạng xã hội.

- Xây dựng bộ công cụ tham khảo cho giáo viên: phiếu khảo sát, bài học mẫu tích hợp truyền thông số, hướng dẫn tổ chức hoạt động “kiểm chứng thông tin lịch sử”.

- Làm cơ sở cho việc phát triển mô hình “Kênh Lịch sử học đường”, giúp học sinh tham gia sản xuất nội dung lịch sử, rèn kỹ năng truyền thông có trách nhiệm và tự hào dân tộc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng trọng tâm của nghiên cứu là học sinh trung học cơ sở - cụ thể là các em học sinh khối 7, khối 8 và khối 9 của Trường THCS Tự Cường, nơi có đặc trưng về độ tuổi chuyển tiếp, tâm lý tò mò, ham khám phá nhưng còn thiếu kỹ năng chọn lọc thông tin.

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu còn xem xét một số yếu tố liên quan, bao gồm:

- Giáo viên bộ môn Lịch sử, người trực tiếp giảng dạy và định hướng cho học sinh.

- Các nội dung lịch sử trên mạng xã hội (TikTok, YouTube, Facebook) mà học sinh thường xem, như video kể chuyện, clip phân tích sự kiện, bài viết tổng hợp hoặc meme hài hước.

Đối tượng này được lựa chọn vì phản ánh sinh động và chân thực nhất mối quan hệ giữa việc sử dụng mạng xã hội và nhận thức lịch sử của học sinh hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Không gian nghiên cứu: Trường THCS Tự Cường, thuộc địa bàn xã Quyết Thắng, một môi trường có điều kiện học tập trung bình khá, học sinh tiếp cận công nghệ sớm và sử dụng mạng xã hội thường xuyên.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2025, trong 8 tuần liên tục, bao gồm các giai đoạn chuẩn bị, khảo sát, phân tích và tổng kết.



- Quy mô mẫu: Tổng cộng 120 học sinh (mỗi khối 40 học sinh) được chọn ngẫu nhiên từ 9 lớp khác nhau, bảo đảm tính đa dạng về giới tính, học lực và mức độ sử dụng mạng xã hội.

- Giới hạn: Nghiên cứu không đi sâu vào yếu tố kinh tế – xã hội của gia đình hoặc phân tích thuật toán của các nền tảng, mà tập trung thuần túy vào hành vi tiếp nhận thông tin và mức độ hiểu biết lịch sử của học sinh.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp định lượng (Quantitative Method)

Được sử dụng chủ đạo nhằm đo lường, thống kê và so sánh.

- Công cụ: Phiếu khảo sát 25 câu hỏi trắc nghiệm và tự luận ngắn, được thiết kế rõ ràng, khoa học, thân thiện với học sinh.

- Nội dung: Gồm 4 nhóm tiêu chí chính: (1) Thói quen sử dụng mạng xã hội, (2) Nguồn và loại nội dung lịch sử tiếp cận, (3) Nhận thức và hiểu biết lịch sử, (4) Thái độ, cảm xúc, và kỹ năng phản biện.

- Cách thực hiện:

+ Phát phiếu trực tiếp tại trường trong giờ sinh hoạt và qua Google Form để thu thập linh hoạt.

+ Dữ liệu được mã hóa cẩn thận và xử lý bằng Excel hoặc SPSS, áp dụng thống kê mô tả (tần suất, trung bình, phần trăm) và so sánh chéo theo khối lớp, giới tính, thói quen kiểm chứng.

4.2. Phương pháp định tính (Qualitative Method)

Được dùng để giải thích sâu hơn những con số khô khan, giúp hiểu rõ “vì sao” học sinh lại bị ảnh hưởng hoặc hiểu sai.

- Công cụ: Phỏng vấn nhóm nhỏ (focus group) gồm 6 học sinh đại diện cho 3 khối, cùng 3 giáo viên Lịch sử.

- Câu hỏi trọng tâm: Cảm nhận khi xem video lịch sử trên TikTok, cách học sinh đánh giá thông tin đúng – sai, và những thay đổi trong thái độ học tập.

- Phân tích: Ghi âm, chép lại và mã hóa các chủ đề chính (ví dụ: “thích vì ngắn gọn”, “tin vì được nhiều lượt thích”, “không biết đúng sai”) để rút ra mẫu hành vi nhận thức điển hình.

4.3. Phương pháp phân tích nội dung (Content Analysis)

Nhằm kiểm chứng trực tiếp các nguồn thông tin lịch sử mà học sinh tiếp cận.

- Chọn 15 video TikTok/YouTube và 5 bài viết Facebook mà học sinh gửi lên nhiều nhất.

- Dùng bảng kiểm (checklist) gồm 5 tiêu chí: độ chính xác, nguồn dẫn, hình thức trình bày, yếu tố cảm xúc, nguy cơ sai lệch.

- Kết quả được tổng hợp thành tỷ lệ % video/bài viết chính xác, sai lệch, hoặc gây hiểu lầm, minh họa bằng biểu đồ trong báo cáo.

4.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm (mini experiment)

Thực hiện 2–3 tiết học mẫu có lồng ghép hoạt động “Kiểm chứng thông tin lịch sử” hoặc “Làm bản tin lịch sử số”.

- Học sinh sẽ được chia nhóm, tự kiểm tra video mạng và báo cáo kết quả.

- Sau tiết học, học sinh làm bài đánh giá nhanh để đo sự thay đổi trong khả năng nhận biết thông tin sai lệch.

- Kết quả thử nghiệm giúp chứng minh tính khả thi của giải pháp đề xuất trong thực tế.

4.5. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu được xử lý theo các bước:

- Mã hóa và làm sạch dữ liệu: loại bỏ phiếu không hợp lệ, đặt mã số cho từng câu hỏi.

- Thống kê mô tả: tính tần suất, tỷ lệ, trung bình.

- So sánh chéo (Cross-tab) giữa các biến như tần suất dùng mạng – mức độ hiểu đúng; giới tính – thói quen kiểm chứng.

- Phân tích định tính hỗ trợ: trích dẫn lời học sinh/giáo viên để minh họa xu hướng hoặc nguyên nhân.

- Tổng hợp và trực quan hóa: tạo bảng, biểu đồ, sơ đồ minh họa rõ ràng, sinh động để tăng sức thuyết phục khi báo cáo.

4.6. Đạo đức và bảo mật nghiên cứu

Đây là phần vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo tính nhân văn và trung thực:

- Học sinh tham gia tự nguyện, ẩn danh, không thu thập thông tin cá nhân nhạy cảm.

- Các hình ảnh minh chứng (ảnh, video) được chụp góc nghiêng hoặc làm mờ mặt.

- Dữ liệu chỉ phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu và báo cáo cuộc thi KHKT.

- Giáo viên chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm duyệt nội dung và giám sát đạo đức nghiên cứu.

5. Tiến độ thực hiện

5.1. Kế hoạch tiến độ thực hiện (8 tuần)

Thời gian (tuần)	Hoạt động chính	Người thực hiện	Kết quả dự kiến
Tuần 1	- Xác định mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu; tham khảo tài liệu, xin phép Ban Giám hiệu; phác thảo phiếu khảo sát và câu hỏi phỏng vấn - Thử nghiệm phiếu khảo sát trên 10 HS; điều chỉnh câu hỏi; chuẩn bị biểu mẫu phỏng vấn và bảng kiểm phân tích video	Nhóm HS + GV hướng dẫn	- Đề cương nghiên cứu và công cụ khảo sát sơ bộ - Phiếu khảo sát hoàn thiện; bảng phân tích nội dung chuẩn
Tuần 2	- Tiến hành khảo sát học sinh khối 7 và 8; phát phiếu và thu hồi; nhập dữ liệu sơ bộ	- HS điều tra viên, GV giám sát	- Thu được 80 phiếu hợp lệ

	- Khảo sát khối 9; tổng hợp dữ liệu sơ bộ toàn trường; chọn 15 video + 5 bài viết mạng xã hội học sinh cung cấp		- Bộ dữ liệu hoàn chỉnh; danh sách mẫu nội dung mạng xã hội
Tuần 3-4	- Phân tích dữ liệu định lượng (Excel/SPSS); thống kê, lập bảng, biểu đồ; thực hiện phỏng vấn nhóm học sinh và 2 GV Lịch sử	- Nhóm HS xử lý dữ liệu	- Bảng thống kê kết quả và ghi chép phỏng vấn
Tuần 5	- Phân tích nội dung các video/bài viết về độ chính xác; tổng hợp lỗi sai phổ biến	- Nhóm HS + GV hướng dẫn	- Bảng phân loại 3 nhóm: chính xác – sai lệch – gây hiểu lầm
Tuần 6-7	- Tổ chức 2–3 tiết học thử nghiệm lồng ghép hoạt động “Kiểm chứng thông tin lịch sử” và “Làm bản tin Lịch sử số”	- GV + HS lớp 8,9	- Bảng ghi nhận thay đổi nhận thức và hứng thú học tập
Tuần 8	- Tổng hợp toàn bộ kết quả, hoàn thiện phần phân tích và kết luận nghiên cứu; chọn ảnh, bảng biểu minh chứng - Viết Báo cáo tóm tắt, Kế hoạch nghiên cứu, Phụ lục minh chứng; luyện thuyết trình chuẩn bị dự thi vòng sơ khảo.	- Nhóm HS + GV hướng dẫn	- Báo cáo kết quả, dữ liệu minh chứng - Bộ hồ sơ hoàn chỉnh nộp Ban tổ chức

5.2. Minh chứng dự kiến trong quá trình nghiên cứu

Để bảo đảm tính xác thực và minh bạch, nhóm sẽ thu thập và lưu giữ các minh chứng sau:

1. Ảnh minh chứng quá trình:

- Học sinh thực hiện khảo sát (phiếu, Google Form);
- Giáo viên hướng dẫn nhóm;
- Buổi phỏng vấn, thảo luận nhóm;
- Hoạt động lớp học thử nghiệm;
- Học sinh trình bày báo cáo kết quả.

2. Tài liệu minh chứng:

- Mẫu phiếu khảo sát (đính kèm trong phụ lục);
- Bảng dữ liệu thống kê tổng hợp;
- Bản ghi chép phỏng vấn (trích dẫn ẩn danh);
- Hình ảnh và bảng phân tích nội dung video mạng xã hội.

3. Sản phẩm minh chứng:

- Bản thiết kế bài học “Kiểm chứng thông tin lịch sử”;
- Mẫu “Bản tin Lịch sử học đường” do học sinh tạo;
- Biểu đồ tổng hợp kết quả khảo sát và phỏng vấn.

6. Dự kiến kết quả và kết luận

6.1. Kết quả

Dựa trên mục tiêu, phương pháp và kế hoạch triển khai, nhóm nghiên cứu dự kiến đạt được các kết quả sau:

a. Kết quả định lượng

- 90% học sinh sử dụng mạng xã hội hằng ngày; trong đó 87% từng xem nội dung lịch sử.

- 60% học sinh từng gặp thông tin sai lệch, chỉ 34% có thói quen kiểm chứng.

- Học sinh khối 9 có tỷ lệ hiểu đúng thông tin cao hơn 19% so với khối 7, cho thấy nhận thức tăng dần theo độ tuổi.

- Sau tiết học tích hợp giáo dục truyền thông số, mức độ nhận biết thông tin sai tăng 25%, chứng minh hiệu quả của giải pháp đề xuất.

b. Kết quả định tính

- Học sinh cho rằng các video lịch sử trên mạng “hấp dẫn, dễ nhớ, nhưng không biết đúng hay sai”.

- Giáo viên nhận thấy “mạng xã hội giúp học sinh hứng thú hơn, nhưng cần dạy kỹ năng chọn lọc và phản biện”.

- Các buổi thảo luận nhóm cho thấy học sinh tự tin hơn khi phân biệt thông tin đúng - sai, biết cách tra cứu lại qua SGK và nguồn chính thống.

c. Sản phẩm khoa học của đề tài

- Báo cáo nghiên cứu hoàn chỉnh có số liệu, bảng biểu, biểu đồ minh họa;
- Bộ công cụ khảo sát và phân tích nội dung (phiếu, bảng kiểm, câu hỏi phỏng vấn);

- Bộ bài học mẫu tích hợp giáo dục truyền thông số trong môn Lịch sử;

- Đề xuất mô hình “Kênh thông tin lịch sử học đường” do học sinh vận hành;

- Phụ lục minh chứng gồm ảnh, biểu đồ, trích phỏng vấn và sản phẩm thực tế.

6.2. Ý nghĩa của kết quả nghiên cứu

Về mặt khoa học

- Cung cấp bằng chứng định lượng và định tính đầu tiên ở cấp THCS về tác động của mạng xã hội đến nhận thức lịch sử.

- Góp phần hình thành hướng tiếp cận mới trong dạy học Lịch sử gắn với kỹ năng truyền thông số.

Về mặt giáo dục

- Giúp giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, chuyển từ “truyền đạt kiến thức” sang “hướng dẫn học sinh tự kiểm chứng thông tin”.

- Giúp học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực số và kỹ năng công dân mạng an toàn.

Về mặt xã hội

- Tăng cường ý thức bảo vệ sự thật lịch sử, chống lại tin giả và xuyên tạc lịch sử trên mạng xã hội.



- Góp phần hình thành thế hệ học sinh vừa hiểu biết, vừa tự hào về lịch sử dân tộc, sẵn sàng lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam bằng công nghệ hiện đại.

6.3. Ý nghĩa mở rộng của nghiên cứu

+ Về mặt giáo dục

- Mô hình tích hợp giáo dục truyền thông số trong môn Lịch sử có thể nhân rộng sang các môn khác như Ngữ văn, Địa lí, GDCD.

- Góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình GDPT 2018: phát triển năng lực thông tin, năng lực công nghệ, và năng lực công dân số cho học sinh.

- Tạo tiền đề để nhà trường hình thành chuyên đề “Sử học trong thời đại số” hoặc tuần lễ học tập trực tuyến an toàn.

+ Về mặt xã hội

- Giúp học sinh trở thành “người tiêu dùng thông tin có trách nhiệm”, biết phân biệt đúng - sai, góp phần hạn chế lan truyền tin giả, nội dung sai lệch về lịch sử và văn hóa dân tộc.

- Tạo ra mô hình “Kênh lịch sử học đường” - nơi học sinh và giáo viên cùng chia sẻ kiến thức lịch sử chính xác, lan tỏa tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc trên không gian mạng.

- Có thể phát triển thành chuỗi liên kết liên trường hoặc cấp quận/huyện, giúp học sinh các trường trao đổi bài viết, video, ý tưởng truyền thông lịch sử sáng tạo.

+ Về mặt khoa học và đổi mới

- Cung cấp dữ liệu thực tế, có thể làm nền cho các đề tài nghiên cứu tiếp theo ở cấp THPT hoặc các cấp học cao hơn.

- Khẳng định tính khả thi của hướng tiếp cận “giáo dục hành vi trên nền tảng số” - một chủ đề đang được nhiều quốc gia quan tâm.

- Góp phần xây dựng môi trường học tập an toàn - hiện đại - nhân văn, kết nối giữa tri thức lịch sử và công nghệ.

Đề tài “Ảnh hưởng của mạng xã hội đến nhận thức lịch sử của học sinh THCS” không chỉ dừng ở việc tìm hiểu một hiện tượng xã hội - hành vi, mà còn hướng đến giải pháp giáo dục bền vững, có tính nhân rộng và lan tỏa cộng đồng. Nghiên cứu thể hiện rõ tinh thần đổi mới sáng tạo, năng lực hợp tác và tính ứng dụng thực tiễn cao, phù hợp với định hướng của cuộc thi KHKT dành cho học sinh THCS.

6.4. Hướng phát triển của nghiên cứu

+ **Mở rộng quy mô:** Nghiên cứu có thể triển khai ở nhiều trường THCS khác nhau, so sánh kết quả theo khu vực thành thị - nông thôn hoặc công lập - tư thục để có cái nhìn toàn diện hơn.

+ Nâng cấp kênh thông tin học đường thành dự án liên trường:

- Tạo mạng lưới “Học sinh yêu sử Việt Nam 4.0” - nơi học sinh các trường chia sẻ sản phẩm học tập, video lịch sử, bản tin điện tử.

- Liên kết với phòng GD&ĐT hoặc Đoàn - Đội để tổ chức các cuộc thi sáng tạo nội dung lịch sử trực tuyến, gắn giáo dục truyền thống với công nghệ.

+ Phát triển hướng nghiên cứu tiếp theo:

- So sánh ảnh hưởng của mạng xã hội đối với các môn học khác (Ngữ văn, Địa lý, GDCD).

- Nghiên cứu sâu hơn về mối liên hệ giữa cảm xúc khi xem video lịch sử và khả năng ghi nhớ kiến thức.

- Thử nghiệm mô hình “Lớp học đảo ngược” (flipped classroom) với tài nguyên lịch sử từ mạng xã hội.

Đề tài “**Ảnh hưởng của mạng xã hội đến nhận thức lịch sử của học sinh THCS**” đã góp phần:

- Làm sáng tỏ mối quan hệ giữa truyền thông số và nhận thức học sinh;

- Đề xuất hướng tích hợp giáo dục truyền thông số vào môn Lịch sử một cách thiết thực;

- Xây dựng mô hình học tập hiện đại, nhân văn và phù hợp với xu thế thời đại 4.0.

Đây là một đề tài mang tính khoa học - hành vi - giáo dục rõ rệt, vừa có chiều sâu nghiên cứu, vừa có tính ứng dụng bền vững.

“Khi học sinh biết học từ mạng xã hội một cách có trách nhiệm, thì mạng xã hội sẽ trở thành lớp học không biên giới.”

6.5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định rằng mạng xã hội có ảnh hưởng hai chiều đến nhận thức lịch sử của học sinh trung học cơ sở:

- Một mặt, mạng xã hội mang lại nguồn học liệu phong phú, trực quan, sinh động, giúp học sinh tăng hứng thú, dễ nhớ, dễ tiếp cận kiến thức lịch sử.

- Mặt khác, do thiếu kỹ năng chọn lọc và kiểm chứng, học sinh dễ tiếp nhận thông tin sai lệch, dẫn đến hiểu sai sự kiện, nhân vật hoặc mất niềm tin vào kiến thức trong sách giáo khoa.

Nghiên cứu cũng chứng minh rằng:

- Học sinh khối lớn hơn (lớp 9) có khả năng nhận biết thông tin sai lệch tốt hơn, chứng tỏ nhận thức lịch sử phát triển theo mức độ trưởng thành và trải nghiệm học tập.

- Những học sinh có thói quen kiểm chứng thông tin thường có mức độ hiểu đúng cao hơn 20–30% so với nhóm không kiểm chứng.

- Việc lồng ghép giáo dục truyền thông số vào các tiết học Lịch sử giúp nâng cao năng lực phản biện và thái độ học tập tích cực.

Từ các phân tích trên, đề tài đi đến kết luận tổng quát:

“Mạng xã hội không phải nguyên nhân gây sai lệch nhận thức lịch sử, mà là công cụ cần được hướng dẫn sử dụng đúng cách”. Nếu được giáo dục, định hướng và tham gia sáng tạo nội dung có trách nhiệm, học sinh THCS hoàn toàn có thể trở thành người học lịch sử chủ động và công dân số tích cực

7. Kinh phí và nguồn lực (dự toán)

7.1. Nguồn lực con người

Thành phần tham gia	Số lượng	Vai trò chính
Giáo viên hướng dẫn	01	Xây dựng kế hoạch nghiên cứu, cố vấn phương pháp, giám sát tiến độ, hướng



		đẫn xử lý dữ liệu và báo cáo.
Nhóm học sinh nghiên cứu	02	Thiết kế phiếu khảo sát, thu thập dữ liệu, phân tích kết quả, biên tập sản phẩm truyền thông lịch sử.
Giáo viên bộ môn Tin học, GDCD	02	Hỗ trợ kỹ năng công nghệ, truyền thông số, đạo đức và an toàn trên mạng.
Cán bộ đoàn – đội	01	Phối hợp tổ chức khảo sát, tuyên truyền hoạt động trong toàn trường.
Phụ huynh học sinh (tình nguyện)	02-04	Hỗ trợ học sinh khi khảo sát, cho phép sử dụng thiết bị cá nhân phục vụ nghiên cứu.

Tổng cộng: 8-10 người tham gia thường xuyên, đảm bảo tính hợp tác liên môn và khả thi trong môi trường THCS.

7.2. Nguồn lực vật chất và công nghệ

- **Phòng học đa năng:** sử dụng để tổ chức họp nhóm, phỏng vấn, quay video học sinh thảo luận.

- **Phòng Tin học/Thư viện số:** phục vụ nhập liệu, phân tích dữ liệu, tra cứu nguồn tin lịch sử.

- **Thiết bị hỗ trợ:**

- 02 máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn (có cài Excel, Canva, PowerPoint);

- 02 điện thoại di động của học sinh dùng để quay video, chụp ảnh minh chứng;

- 01 máy in để in phiếu khảo sát và báo cáo;

- 01 tài khoản Google Form/Drive dùng lưu trữ dữ liệu khảo sát;

- 01 tài khoản Canva/CapCut miễn phí phục vụ sản xuất bản tin lịch sử.

7.3. Dự trù kinh phí thực hiện (ước tính trong 8 tuần)

Khoản mục chi tiêu	Nội dung chi	Dự toán (VNĐ)	Ghi chú
1.Văn phòng phẩm	In ấn phiếu khảo sát, bảng hỏi, tài liệu hướng dẫn, bìa hồ sơ	250.000	Giấy A4, mực in, bìa, ghim
2.Thiết bị & công cụ hỗ trợ	Mua thẻ nhớ, cáp kết nối, pin dự phòng	200.000	Tận dụng thiết bị sẵn có
3.Trang trí – truyền thông	Làm poster, bảng trưng bày, in biểu đồ kết quả	150.000	Dành cho buổi báo cáo
4.Hỗ trợ nước uống, vật chất cho người khảo sát	buổi khảo sát học sinh toàn trường	150.000	Nước lọc, giấy bút
5. Phần thưởng khuyến khích nhóm	3 phần quà nhỏ (vở, bút, huy hiệu)	150.000	Từ Quỹ Đoàn – Đội

HS tham gia CLB			
6. In ấn, đóng quyển hồ sơ và phụ lục	In 03 bộ báo cáo hoàn chỉnh	100.000	3 bản cho BGK, lưu
Tổng		1.000.000	

Nguồn kinh phí dự kiến:

Từ quỹ Đoàn - Đội và CLB học thuật (60%);

Đóng góp hỗ trợ của phụ huynh và giáo viên tự nguyện (30%);

Nguồn hỗ trợ của Ban giám hiệu cho hoạt động KHKT cấp trường (10%).

7.4. Kế hoạch sử dụng nguồn lực hiệu quả

-Tận dụng tối đa cơ sở vật chất và thiết bị sẵn có trong trường.

-Ưu tiên sử dụng phần mềm miễn phí hoặc bản dùng thử hợp pháp.

-Tất cả khoản chi được ghi chép công khai, minh bạch, có bảng kê kèm hóa đơn nhỏ (in phiếu khảo sát, giấy in, poster...).

-Học sinh được phân công phụ trách từng khoản mục (in ấn, thiết kế, truyền thông) nhằm rèn luyện kỹ năng quản lý dự án và làm việc nhóm.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu trong nước

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử – Ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2024). *Báo cáo về thói quen sử dụng mạng xã hội của thanh thiếu niên Việt Nam*. Truy cập tại: <https://mic.gov.vn>

3. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2023). *Tác động của mạng xã hội đến hành vi học tập của học sinh trung học cơ sở*. Tạp chí Tâm lý & Giáo dục, số 12 (292), tr. 45–51.

4. Trần Ngọc Thắng (2022). *Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 38, tr. 90–97.

5. Nguyễn Minh Phương (2023). *Phát triển năng lực thông tin và truyền thông cho học sinh trong dạy học Lịch sử*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Đổi mới giáo dục lịch sử, ĐHSP Hà Nội.

B. Tài liệu quốc tế

6. UNESCO (2022). *Media and Information Literacy Curriculum for Teachers*. Paris: UNESCO Publishing.

7. Pew Research Center (2023). *Teens, Social Media and Information Literacy*. Washington, D.C. Truy cập tại: <https://www.pewresearch.org>

8. Boyd, D. (2014). *It's Complicated: The Social Lives of Networked Teens*. Yale University Press.

9. Livingstone, S., & Helsper, E. (2021). *Children and Media Literacy in the Digital Age*. Journal of Youth Studies, Vol. 18, Issue 2.

C. Tài liệu điện tử và nguồn học liệu hỗ trợ

10. Trang web *Học Lịch sử dễ như chơi* – Kênh chia sẻ video học tập lịch sử Việt Nam, được học sinh tham khảo trong khảo sát (TikTok, 2025).

11.Fanpage *Lịch sử Việt Nam 4.0* – Kênh học tập trực tuyến do giáo viên và học sinh vận hành, nguồn nội dung phân tích trong nghiên cứu (Facebook, 2025).

12.Sở Giáo dục và Đào tạo ... (2025). *Tài liệu hướng dẫn thực hiện cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp THCS.*

13.Sở GD&ĐT Hải Phòng (2025). *Phiếu chấm thi KHKT vòng sơ khảo và các mẫu phụ lục dự án.*

Hải Phòng, ngày...8 tháng 9 năm 2025

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

(Ký và họ tên)



Nguyễn Thùy Chi

HỌC SINH THỰC HIỆN

(Ký và họ tên)

Mai
Đỗ Thị Quỳnh Mai

PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Đồng ý phê duyệt dự án. Ảnh hưởng của mạng xã hội đến nhận thức lịch sử của học sinh THCS.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Trức